

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

A. Giới thiệu:

I. Mô tả khái quát về dự án

1. Tên dự án: Đường cứu hộ, cứu nạn từ đường ĐT.463 đi đê sông Hồng thuộc xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Vũ Tiên.

3. Nguồn vốn: Nguồn vốn cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Quy mô xây dựng và giải pháp thiết kế:

4.1. Quy mô đầu tư: Điểm đầu tuyến giao với đường tỉnh ĐT.463 tại Km9+40, điểm cuối giao với đê tả Hồng Hà II tại Km173+660, toàn tuyến thuộc xã Vũ Tiến huyện Vũ Thư, chiều dài tuyến $L=2.557,07m$, cụ thể như sau:

- Tuyến đường thiết kế theo quy mô đường cấp IV đồng bằng (TCVN 4054-2005), mặt đường cấp cao A1.

- Tải trọng thiết kế các công trình trên tuyến: HL93.

- Thiết kế đồng bộ các công trình trên tuyến gồm: Công thoát nước ngang đường; rãnh thoát nước dọc đường; mương xây, mương bê tông cốt thép hoàn trả; kê gia cố mái ta luy nền đường phía giáp mương; tường chắn tại vị trí giáp ao; hệ thống an toàn giao thông trên tuyến.

4.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

4.2.1. Tuyến đường:

a. Hướng tuyến và bình đồ: Tuân thủ theo hướng tuyến và bình đồ ở bước thiết kế cơ sở đã được phê duyệt.

b. Trắc dọc tuyến: Cơ bản tuân thủ theo cao độ thiết kế trắc dọc ở bước thiết kế cơ sở.

c. Trắc ngang tuyến: Bề rộng mặt đường $B_{mặt}=7,0m$; bề rộng lề đường $B_{lề}=2 \times 1,0=2,0m$; bề rộng nền đường $B_{nền}=9,0m$. Độ dốc ngang mặt đường $i_n=2\%$, độ dốc ngang lề đường $i_{lề}=4\%$.

d. Kết cấu áo đường (theo thứ tự từ trên xuống): Lớp bê tông nhựa C16 dày 7cm, tưới nhựa dính bám hàm lượng 0,5kg/m²; lớp láng nhựa 01 lớp dày 1,5cm hàm lượng 1,8kg/m²; lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm, lớp cấp phối đá dăm loại II dày 25cm.

e. Kết cấu vuốt đường ngang, ngõ ngang: Lớp bê tông nhựa C16 dày 7cm, tưới nhựa dính bám hàm lượng 0,5kg/m²; lớp láng nhựa 01 lớp dày 1,5cm hàm lượng 1,8kg/m²; lớp đá dăm tiêu chuẩn dày trung bình 10cm.

f. Thiết kế nền đường:

- Kết cấu nền đường: 50cm dưới đáy kết cấu áo đường được đắp bằng cát đen độ chặt $K \geq 0,98$, dưới khu vực tác dụng đắp bằng cát đen với độ chặt $K \geq 0,95$; trước khi đắp nền đối với các đoạn qua ruộng, nương thiết kế vét hữu cơ dày 30cm, vét bùn dày 50cm.

- Mái taluy được đắp bao bằng đất với độ chặt $K \geq 0,90$ để bao phủ và bảo vệ kết cấu nền, mặt đường, độ dốc mái taluy nền đường 1/1,5.

g. Thiết kế nút giao, đường giao:

- Thiết kế nút giao: Trên dự án có giao với tuyến đường tỉnh ĐT.463 tại đầu tuyến, giao với đê tả sông Hồng Hà II tại cuối tuyến. Các nút giao được thiết kế dạng nút giao đồng mức, tổ chức giao thông bằng vạch sơn, biển báo.

- Đường giao: Các đường giao dân sinh được thiết kế vượt nổi phù hợp với quy mô đường hiện hữu, đảm bảo êm thuận an toàn.

4.2.2. Các công trình trên tuyến:

a. Thiết kế rãnh dọc bằng bê tông cốt thép (BTCT) khẩu độ $B=0,5m$ tại các đoạn qua khu dân cư trên các vị trí từ $Km0+31,5$ đến $Km0+184,21$, từ $Km2+024,82$ đến $Km2+64,22$, từ $Km2+61,78$ đến $Km2+422,64$ bên phải tuyến; từ $Km1+76,17$ đến $Km1+352,7$ bên trái tuyến. Kết cấu rãnh: Thân rãnh bằng BTCT mác 250 đúc sẵn và đổ tại chỗ. Tấm đan bằng BTCT mác 250 đúc sẵn dày 14cm. Móng rãnh bằng lớp đá dăm đệm dày 10cm. Mỗi nối giữa các đơn nguyên đúc sẵn bằng vữa xi măng mác 100.

b. Cống ngang đường bằng bê tông cốt thép lắp ghép gồm 13 cống trong đó 03 cống hộp vuông khẩu độ $B=0,75m$, 07 cống hộp vuông khẩu độ $B=1,0m$, 01 cống hộp vuông khẩu độ $B=1,5m$, 02 cống khẩu độ $B \times H=(2,0 \times 1,5)m$. Kết cấu cống: Ống cống vuông bê tông cốt thép mác 300 đúc sẵn thành từng đốt chiều dài mỗi đốt $L=1m/1đốt$, móng cống bằng bê tông mác 200, trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm, gia cố móng cống bằng cọc tre đường kính D6-D8 chiều dài 01 cọc $L=1,5m$ đóng toàn bộ móng cống, mật độ cọc 25 cọc/ m^2 . Tường đầu, tường cánh cống hộp bê tông xi măng mác 200 đá 1x2 đổ tại chỗ. Hồ ga xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, bên trong trát vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm.

c. Cống hộp bê tông cốt thép đổ tại chỗ gồm 01 cống khẩu độ $B \times H=(2,5 \times 2,0)m$ tại $Km2+060$ và 01 cống khẩu độ $B \times H=2 \times (3,5 \times 2,0)m$ tại $Km1+359,34$. Kết cấu cống: Thân cống hộp bê tông cốt thép mác 300 đá 1x2 đổ tại chỗ. Phần thân cống cống khẩu độ $B \times H=2 \times (3,5 \times 2,0)m$ trên hệ móng cọc BTCT tiết diện $(35 \times 35)cm$, chiều dài dự kiến $L=14m$; móng cống lót bê tông mác 100 dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Cống khẩu độ $B \times H=(2,5 \times 2,0)m$ có móng cống bằng lớp bê tông lót mác 150 dày 10cm, gia cố móng bằng cọc tre D6-8, chiều dài cọc 01 cọc $L=3,0m$, mật độ 25 cọc/ m^2 . Tường đầu, tường cánh, sân cống hộp bê tông mác 300 đá 1x2 đổ tại chỗ. Sân cống trên lớp bê tông lót dày 10cm, lớp đá dăm đệm dày 10cm, toàn bộ sân cống được gia cố cọc tre D6-

8, chiều dài cọc 01 cọc $L=3,0m$, mật độ 25 cọc/ m^2 . Lan can cống bằng thép ống mạ kẽm.

đ. Cống xây gạch gác bản gồm 03 cống dọc tuyến phục vụ tưới tiêu: Kết cấu cống. Móng cống bằng bê tông xi măng mác 200, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, gia cố móng cống bằng cọc tre đường kính D6-D8 chiều dài 01 cọc $L=1,5m$ đóng toàn bộ móng cống, mật độ cọc 25 cọc/ m^2 . Thân cống xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm. Giằng tường và bản gác bằng bê tông cốt thép mác 200.

e. Mương xây khẩu độ $B=0,9m$ bên phải tuyến nhánh phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp: Kết cấu mương: Móng mương bằng BTCT mác 200 dày 15cm đổ tại chỗ, lớp đá dăm đệm dày 10cm, tường mương xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, bên trong trát vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm, giằng mương bằng BTCT mác 250 đổ tại chỗ, văng chống BTCT mác 250 đúc sẵn bố trí 10m/3thanh.

f. Mương bê tông cốt thép khẩu độ $B=0,9m$ bên phải tuyến phục vụ tưới tiêu. Kết cấu mương: Móng mương bằng lớp đá dăm đệm dày 10cm. Thân mương bằng bê tông cốt thép mác 250 gồm phần đúc sẵn và phần đổ tại chỗ, các đơn nguyên có chiều dài $L=1,0m$. Trên thân mương có các lỗ chờ để thoát nước sinh hoạt. Mỗi nối giữa các đơn nguyên sử dụng vữa xi măng mác 100. Tấm bản đáy bằng bê tông cốt thép mác 250.

g. Kè mái các vị trí giáp ao, mương: Móng mái kè bằng BTCT mác 200 đổ tại chỗ, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, gia cố móng bằng cọc tre đường kính D6-D8 chiều dài 01 cọc $L=1,5m$, mật độ cọc 25 cọc/ m^2 . Mái kè bằng các tấm bê tông cốt thép mác 200 kích thước (60x60x10)cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, lớp lót bằng vải địa kỹ thuật. Dầm khoá mái kè bằng bê tông cốt thép mác 200 đổ tại chỗ.

h. Tường kè tại vị trí giáp ao: Kết cấu tường kè: Thân tường bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 100. Móng tường bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 100, đệm móng bằng đá dăm đệm dày 10cm, gia cường đáy móng bằng cọc tre D8-10cm, mật độ 25 cọc/ m^2 , chiều dài 01 cọc $L=1,5m$. Bố trí khe lún 10m/1 khe, sử dụng bao tải tấm nhựa chèn khe lún.

- Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và các quy định hiện hành của Pháp luật.

II. Mô tả khái quát về gói thầu

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 09: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

2. Giá gói thầu: 1.182.948.635 đồng (Đã bao gồm 10% thuế GTGT)

3. Loại hợp đồng: Trọn gói

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 720 ngày.
5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ
7. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2026.

II. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực (năng lực về đội ngũ chuyên gia, năng lực tài chính, máy móc thiết bị, phần mềm), đủ kinh nghiệm, đáp ứng tốt các yêu cầu của hồ sơ mời thầu để thực hiện gói thầu .

A. Phạm vi công việc:

I. Mô tả chi tiết phạm vi công việc

- Phạm vi công việc:
 - + Giám sát thi công xây dựng toàn bộ các hạng mục của dự án theo thiết kế được phê duyệt;
 - + Giám sát về khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn của công trình; Tham gia các cuộc họp liên quan tới công tác tư vấn xây dựng khi chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện;
 - + Cùng chủ đầu tư giải quyết những vướng mắc trong quá trình thi công xây dựng công trình.
- Thời gian và tiến độ thực hiện: 720 ngày kể từ ngày ký hợp đồng,

II. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng

- Cử người có đủ năng lực theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của tư vấn giám sát trưởng và các chức danh giám sát khác;
- Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của các chức danh giám sát, lập kế hoạch và quy trình kiểm soát chất lượng, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, phương pháp quản lý hồ sơ, tài liệu trong quá trình giám sát thi công xây dựng;
- Trực tiếp tham gia cùng Chủ đầu tư xem xét các đề xuất của nhà thầu thi công về tiến độ thi công tổng thể, tiến độ thi công chi tiết từng hạng mục, từng việc, tiến độ tháng, quý...; xem xét các giải pháp, đề xuất kỹ thuật của Nhà thầu thi công; tư vấn và trực tiếp phối hợp với Chủ đầu tư và nhà thầu thi công để giải quyết các vấn đề liên quan khi thi công như các biện pháp, giải pháp đảm bảo an toàn cho các công trình lân cận, an toàn lao động, môi trường, phòng chống cháy nổ, các biện pháp đảm bảo chất lượng công trình...
- Kiểm tra và xác nhận các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định của Luật xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Kiểm tra sự phù hợp về năng lực của nhà thầu thi công xây dựng:
 - + Kiểm tra về nhân lực, máy móc thiết bị thi công mà nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường;

+ Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

+ Kiểm tra giấy phép và các điều kiện an toàn của máy móc, thiết bị, vật tư... phục vụ thi công xây dựng công trình;

- Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình bao gồm:

+ Giám sát nguyên vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công xây dựng công trình cung cấp theo chỉ định trong E-HSĐT của nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận, bao gồm: Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả kiểm định chất lượng thiết bị, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng... của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận trước khi đưa vào xây dựng lắp đặt tại công trình;

+ Kiểm tra về khối lượng và chất lượng của vật tư, vật liệu, số lượng nhân công máy móc thiết bị thi công đáp ứng tiến độ thi công theo yêu cầu;

+ Khi nghi ngờ các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị đưa vào lắp đặt tại công trình do nhà thầu cung cấp thì cần kiểm tra trực tiếp tại hiện trường và báo cáo Chủ đầu tư để có biện pháp xử lý;

+ Kiểm tra và giám sát thường xuyên, có hệ thống trong quá trình thi công xây dựng công trình của Nhà thầu, triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải ghi vào nhật lý giám sát hoặc biên bản kiểm tra theo quy định;

+ Lưu giữ các chứng từ, tài liệu, các văn bản pháp lý liên quan trong quá trình thi công xây dựng công trình;

+ Giám sát, đánh giá và báo cáo các ảnh hưởng của việc thi công đến các công trình lân cận và kịp thời đề xuất các biện pháp cải thiện tình trạng theo yêu cầu, phối hợp với Chủ đầu tư, nhà thầu thi công để nhanh chóng giải quyết sự cố (nếu có) nhằm giảm thiểu thiệt hại cho các bên liên quan;

+ Giám sát, đánh giá và báo cáo các ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thi công và đề xuất các biện pháp cải thiện tình trạng theo yêu cầu;

+ Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công báo cáo Chủ đầu tư để xem xét, xin điều chỉnh chủ trương kịp thời;

+ Cùng Chủ đầu tư tổ chức kiểm định lại chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng;

+ Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong khi thi công xây dựng công trình;

+ Tham mưu, đề xuất về sự thay đổi các công việc xây dựng (nếu cần);

+ Tư vấn và trợ giúp trong quá trình bàn giao các hạng mục công trình khi hoàn thành; vạch ra chế độ bảo dưỡng, bảo trì cho công trình đã hoàn thành;

+ Trước khi nghiệm thu đưa công trình vào bàn giao sử dụng phải kiểm tra, xác định các công việc cần sửa chữa, đồng thời giám sát các công việc đó đến khi hoàn thành;

+ Xem xét, xác nhận khối lượng để Chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán theo kỳ thanh toán và quyết toán cuối cùng cho nhà thầu, phù hợp với quy định nhà nước và cam kết giữa Chủ đầu tư với nhà thầu thi công trong hợp đồng thi công;

+ Chỉ dẫn cho nhà thầu hoàn thành các báo cáo cuối cùng và hồ sơ hoàn công theo quy định;

+ Xác nhận bản vẽ hoàn công;

+ Tổ chức và tham gia nghiệm thu theo quy định

- Soạn thảo và trình nộp các báo cáo hoàn thành công việc tư vấn giám sát công trình theo quy định.

III. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn

Sau khi hợp đồng tư vấn giám sát có hiệu lực và gói thầu xây lắp triển khai khởi công xây dựng đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

C. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Báo cáo tổng hợp quá trình giám sát thi công

- Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

D. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí:

- Nhà thầu cần phải bố trí đầy đủ các cán bộ có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện toàn bộ gói thầu, đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực nêu tại chương III.

- Các vị trí cơ bản bao gồm: Tư vấn giám sát trưởng, tư vấn giám sát viên.

E. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Cung cấp các văn bản, giấy tờ có liên quan đến dự án

- Cung cấp các công văn giới thiệu cần thiết để nhà thầu tư vấn liên hệ với các cơ quan giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện dự án.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Cử cán bộ có trình độ phù hợp cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến dự án cho nhà thầu tư vấn thực hiện công việc.

- Tổ chức nghiệm thu công việc hoàn thành theo từng giai đoạn và thanh toán cho nhà thầu tư vấn theo đúng quy định trong hợp đồng đã được ký kết.